

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2026/HC-PT

Ngày: 22 - 4 - 2026

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Duyên

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 198/2026/TLPT-HC ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc “Khiếu kiện
quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 58/2025/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm
2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng
02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936 (có mặt);

Thường trú: Tổ H ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: 221 L, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim T1, sinh năm 1985 (có
mặt);

Địa chỉ: Đường D khu tái định cư L, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L,
tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số A L, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2003 của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và các lời khai có tại hồ sơ, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm do bà Vũ Thị Kim T1 người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị T trình bày:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T bị thu hồi giải tỏa trắng thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L đoạn qua xã B, huyện L (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản bị thu hồi giải tỏa trắng gồm:

- Diện tích đất 2.996,3m² thửa 59 tờ bản đồ số 46 thuộc ấp S, xã B. Trên đất có các loại cây trồng lâu năm bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 11181/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

- Diện tích đất 3.825,3m² (trong đó có 200m² đất ONT) thửa 221 tờ bản đồ số 61 thuộc ấp S, xã B. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 kết cấu: Nền xi măng-tường tô, mái tôn) được xây dựng vào năm 2003 và các loại cây trồng lâu năm bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 11183/QĐ-UBND ngày 31/12/2020

Bà T là người dân sinh sống ổn định tại xã B (trước đây là xã S) từ năm 1993 đến nay. Từ thời điểm năm 1993 đến năm 2002, do không có đất ở và đất canh tác nên bà T sống nhờ nhà con trai là ông Nguyễn Đăng B và xin nhập hộ khẩu chung với con trai tại ấp S.

Vào đầu năm 2002, bà T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn C thửa đất 221 có 300m² đất ONT, lúc chuyển nhượng hiện trạng là đất trống do ông C đã tháo dỡ căn nhà cây trên đất dời đi dựng nơi ở mới. Bà T đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/2002. Vì đã mua được đất canh tác và đất ở nên vào đầu năm 2003 bà T đã nhờ con trai liên hệ Công an xã Suối Trầu lúc bấy giờ xin tách khẩu thành một hộ riêng biệt. Tuy nhiên, do lúc này thửa đất số 221, tờ bản đồ số 6 của bà T chưa xây dựng nhà nên Công an xã vẫn thực hiện tách khẩu và ghi hộ khẩu bà T tại ấp S 2 theo trường hợp tách khẩu cùng nhà con trai. Nhưng trên thực tế bà T hoàn toàn không có căn nhà nào tại ấp S.

Do nhu cầu về chỗ ở nên đến khoảng tháng 8/2003 bà T thuê ông Nguyễn Văn B1 là thợ xây cùng địa phương xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên phần đất thổ cư của thửa đất 221, tờ 61 có diện tích ngang khoảng hơn 04 mét x 08 mét, kết cấu: nền xi măng, tường tô, mái tôn. Nhà xây khoảng gần 01 tháng thì hoàn thành. Sau đó, bà T đã dọn dẹp, chuyển đến sinh sống để tiện việc canh tác cây trồng trên đất. Do khu vực này hẻo lánh, đường xá đi lại canh tác khó khăn nên con cháu của bà T lo lắng, thường xuyên qua lại giữa ấp S và ấp S để đỡ đần bà T. Bà T cũng đi lại giữa ấp S và ấp S để nương nhờ con cháu những lúc tuổi cao sức yếu. Cho đến năm 2018 thì bà T chuyển về ở nhờ nhà con trai Nguyễn Đăng B để nương tựa con cháu (đính kèm các Giấy xác nhận của những người canh tác lân cận làm chứng). Tuy nhiên, chỗ ở hợp pháp duy nhất của bà T vẫn là tại

căn nhà cấp 4 trên thửa đất 221, tờ bản đồ số 61 tọa lạc tại ấp S, xã B. Ngoài chỗ ở là căn nhà nói trên, bà T không còn bất kỳ chỗ ở hợp pháp nào khác tại địa phương.

Trong quá trình Tổ công tác thu hồi dự án tiến hành điều tra, đo đạc, khảo sát, kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở và tài sản trên đất bà T đều có mặt và ký tên đầy đủ (đính kèm “Biên bản kiểm đếm ngày 31/7/2020 và ngày 28/9/2020”). Sau đó, bà T đã được Nhà nước áp giá, chi trả tiền bồi thường và các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng quy định. Tuy nhiên, vào tháng 02/2022 hộ gia đình bà T được xã thông báo miệng rằng chỉ được xét cấp tái định cư hộ phụ vì lý do không di chuyển chỗ ở. Do đó, bà T đã nhờ con trai gửi “Đơn kiến nghị ngày 10/3/2022” có xác nhận của T2 ấp Suối Trầu 1 và “Đơn xin xác nhận ngày 14/3/2022” có xác nhận của Công an xã B về việc bà T có nhà ở và có sinh sống trên đất bị thu hồi đến Hội đồng xét tái định cư xã B để xét cấp lại trường hợp của gia đình bà T là hộ chính. Mãi cho đến ngày 17/6/2023, bà T mới nhận được “Quyết định phê duyệt tái định cư số 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022” thì mới biết trường hợp của hộ gia đình bà T được xét theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ. Trong khi đó tại các “Giấy xác nhận được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số 2044 ngày 26/10/2020” và “Giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc và hộ được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư số 2044 ngày 26/10/2020” thì Ủy ban nhân dân xã lại xét trường hợp hộ gia đình bà T theo khoản 5 Điều 25 của Khung chính sách đã được Thủ tướng phê duyệt tại Văn bản số 1572/TTg-CN ngày 14/10/2017 đối với: *“Trường hợp hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất có nhà ở xây dựng trước ngày 26/5/2015 có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống, không có đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất bị thu hồi thì mỗi cặp vợ chồng đó có nhu cầu xin tách hộ khẩu thì được giao một lô đất ở bằng diện tích nhỏ nhất theo quy hoạch chi tiết của khu tái định cư và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định”*. Điều này hoàn toàn trái với quy định vì gia đình bà T không thuộc trường hợp này nhưng Hội đồng xét tái định cư xã lại áp dụng căn cứ không đúng, gây thiệt hại quyền lợi chính đáng của gia đình bà T.

Căn cứ về việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

1. Về căn cứ áp dụng các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Dự án Cảng hàng không Quốc tế L.

Tại Điều 1 Khung chính sách đã được Thủ tướng phê duyệt tại Văn bản số 1572/TTg-CN ngày 14/10/2017 quy định: *“Khung chính sách này áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Cảng hàng không Quốc tế L và dự án thu hồi đất để xây dựng các khu tái định cư, khu nghĩa trang phục vụ cho việc di dời, giải phóng mặt bằng Dự án Cảng hàng không Quốc tế L (sau đây gọi tắt là Dự án). Những nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không quy định trong Khung chính sách này được áp dụng theo các quy định của Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Nghị định số*

01/2017/NĐ-CP, Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT) và quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND tỉnh Đ".

Theo đó, tại Khoản 1 Điều 25 của Khung chính sách có quy định trường hợp: *"Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở nhưng trên đất chưa xây dựng nhà ở và không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã nơi thực hiện dự án thì được giao một lô đất ở trong khu tái định cư."* Và tại Khoản 4 Điều 25 của Khung chính sách có quy định: *"Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhiều thửa đất ở hoặc một thửa đất ở có diện tích đất lớn thì được xem xét bố trí các lô tái định cư tại khu tái định cư với diện tích tương ứng"*.

Đối chiếu với trường hợp hộ bà T bị thu hồi 200m² đất ở, trên đất có nhà xây dựng năm 2003, không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã nhưng Ủy ban nhân dân huyện không áp dụng Khoản 1 và Khoản 4 Điều 25 Khung chính sách giao cho hộ bà T một lô đất ở có diện tích tương ứng với diện tích 200m² đất ở bị thu hồi theo đúng quy định mà ngược lại áp dụng Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ chỉ giao cho bà T một lô tái định cư có diện tích 80,5m² (hộ phụ) và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 27/2020/QĐ- UBND đối với hộ phụ là trái quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước áp dụng, đặc thù đối với Dự án Cảng hàng không Quốc tế L.

2. Về căn cứ xác định hộ bà T *"phải di chuyển chỗ ở"* hay *"không phải di chuyển chỗ ở"*.

Tại Điều 25 của Khung chính sách hoàn toàn không có quy định nào về điều kiện bố trí tái định cư là hộ gia đình, cá nhân *"phải di chuyển chỗ ở"*.

Hoàn toàn không có quy định nào về việc yêu cầu hộ gia đình, cá nhân phải sinh sống tại chỗ ở trên thửa đất ở bị thu hồi thường xuyên, liên tục từ thời gian nào đến thời gian nào, trước hay sau khi có Thông báo thu hồi đất. Đồng thời cũng không có quy định nào yêu cầu hộ gia đình, cá nhân phải có đăng ký hộ khẩu thường trú tại chỗ ở trên thửa đất ở bị thu hồi trước hay sau khi có Thông báo thu hồi đất.

Rõ ràng quy định phải di chuyển chỗ ở phải được hiểu là do bị thu hồi hết đất (kể cả đất ở lẫn đất nông nghiệp) hoặc phần còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện L và Ủy ban nhân dân xã B lại hiểu và áp dụng quy định không đúng mà ngược lại tự đặt ra quy định phải sinh sống tại căn nhà trên đất và phải có đăng ký hộ khẩu tại căn nhà trên đất thì mới được xem là phải di chuyển chỗ ở.

Đối chiếu với trường hợp hộ bà T bị thu hồi giải tỏa trắng hết 200m² đất ONT và toàn bộ đất nông nghiệp tại cả 2 ấp S và S, xã B; không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã B. Bà T là người dân sinh sống ổn định, liên tục, không di chuyển chỗ ở ra khỏi xã S cũ (nay là xã B) từ năm 1993 cho đến khi Nhà nước thu hồi hết đất ở và đất nông nghiệp của bà. Không có cơ quan Nhà nước nào hướng dẫn hay yêu cầu bà phải thực hiện thủ tục chuyển khẩu từ ấp S sang ấp S vì hai ấp trong cùng một xã và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà

không phải là điều kiện để xem xét, bố trí tái định cư. Việc bà đi lại nhà con cháu từ ấp S sang ấp S và ngược lại không ảnh hưởng đến quyền quản lý, sử dụng chỗ ở hợp pháp của bà tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 221, tờ bản đồ số 61. Chỉ đến khi Ủy ban nhân dân huyện ban hành Thông báo thu hồi đất vào năm 2018 thì bà mới không quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 để chuẩn bị bàn giao mặt bằng cho Nhà nước theo quy định. Bà đến ở nương nhờ nhà của con cháu nhưng sau đó nhà đất của con cháu cũng bị thu hồi giải tỏa trắng nên bà hoàn toàn không còn chỗ ở nào khác tại địa bàn xã B.

Ngày 31/7/2020, bà T có mặt tại nhà đất để trực tiếp chỉ dẫn kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất theo “Biên bản kiểm đếm ngày 31/7/2020”. Tại biên bản này đã ghi nhận căn nhà cấp 4 có diện tích 35,235m² và công trình kiến trúc được xây dựng vào năm 2003, có giá trị sử dụng đã được chiết tính bồi thường số tiền 173.950.785 đồng theo “Bảng tính toán giá trị bồi thường ngày 30/12/2020”.

Việc Ủy ban nhân dân huyện L không áp dụng Khoản 1 và Khoản 4 Điều 25 Khung chính sách mà áp dụng Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND và cho rằng hộ bà T không phải di chuyển chỗ ở là hoàn toàn không có căn cứ và trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L tại xã B liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị T.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 9586/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Tại Văn bản giải trình ngày 13/3/2025 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) do ông Trần Văn T3 Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền có ý kiến giải trình như sau:

1. Về hồ sơ bồi thường của ông (bà) Nguyễn Thị T:

Ngày 28/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo số 4646/TB- UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại huyện L.

Căn cứ Thông báo số 4646/TB-UBND ngày 28/12/2018, ngày 24/7/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện L có Thông báo số 3098/TB TTPTQĐ về việc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất.

Ngày 31/7/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện L phối hợp các ngành tiến hành lập Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất bà Nguyễn Thị T.

Ngày 26/10/2020, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc và hộ được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư tại Giấy xác nhận số 2044 hộ bà Nguyễn Thị T có sử dụng thửa đất số 221(221) tờ bản đồ số 61(12), diện tích 3825.3m² (trong đó có 200m² đất ONT) và được phòng Tài nguyên Môi trường ký thẩm tra (mẫu 02); đồng thời, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận hộ bà Nguyễn Thị T không phải di chuyển chỗ ở (mẫu 04).

Qua các xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B và phòng Tài nguyên Môi trường huyện L thẩm tra nguồn gốc đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào Khung chính sách; Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ và các Quyết định UBND tỉnh Đ tiến hành áp giá và trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Ngày 31/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 10582/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 11181/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L (lần 10).

Như vậy, đối với 02 Quyết định số 10582/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, và Quyết định số 11181/QĐ-UBND ngày 31/12/2020. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đủ các chính sách theo quy định.

Ngày 26/01/2021, hộ bà Nguyễn Thị T đã nhận tiền bồi thường và hỗ trợ theo Quyết định nêu trên.

2. Về chính sách tái định cư của ông (bà) Nguyễn Thị T:

Ngày 16/02/2022, Hội đồng xét tái định cư xã B có Tờ trình số 87/TTr-HĐBT về việc Hợp xét tái định cư bồi thường đất ở, giao đất ở tại khu tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L xã B, ông (bà) Nguyễn Thị T đủ điều kiện bồi thường đất ở theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ.

Ngày 18/02/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất có Báo cáo số 535/BC-TTPTQĐ phương án xét tái định cư và tài chính nghĩa vụ cho các hộ dân (đợt 33), báo cáo Hội đồng bồi thường dự án hộ bà Nguyễn Thị T đủ điều kiện theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ.

Ngày 03/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện có Biên bản đối thoại với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị T. Bà T không đến làm việc, ủy quyền cho bà Lê Thị Vân A theo hợp đồng ủy quyền số 001331, quyền số 02/2022 TR/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2023 do Văn phòng C1 chứng thực.

Ngày 31/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 9586/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu). Ngày 24/02/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất có Thông báo số 107271B-TTPTQĐ về dự kiến phương án bố trí tái định cư dự án Cảng hàng không Quốc tế L.

Ngày 11/3/2022, Hội đồng bồi thường dự án có Tờ trình số 1674/TTr-HĐBT về việc đề nghị phê duyệt giao đất ở tại khu tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại xã B.

Ngày 17/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND về việc phê duyệt tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị T. Ngày 18/11/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức bốc thăm nhận đất tái định cư, hộ bà Nguyễn Thị T tham dự và bốc thăm tái định cư có ký hiệu số lô I-LK-18-51 (Khu A).

Ngày 07/4/2023, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 2993/QĐ-UBND về việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông (bà) Nguyễn Thị T để làm nhà ở tại Khu dân cư, tái định cư Lộc A, xã L, huyện L.

3. Về việc giải quyết đơn khiếu nại hộ bà Nguyễn Thị T:

Ngày 19/6/2023, hộ bà Nguyễn Thị T có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân huyện L. Nội dung khiếu nại: “ Khiếu nại Quyết định số 1402/QĐ-UBND này 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại xã B đối với hộ bà Nguyễn Thị T (số thứ tự 75 theo danh sách hộ dân định kèm)”; đồng thời “Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L chỉ đạo đối với Hội đồng xét tái định cư huyện L và xã B xét cấp lại 01 suất tái định cư hộ chính”.

Ngày 10/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện H số 6977/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 11/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện B2 Thông báo số 3566/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngày 18/7/2023, Thanh tra huyện có Biên bản làm việc xác minh đơn khiếu nại của Nguyễn Thị T.

Ngày 25/7/2023, Thanh tra huyện phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Ủy ban nhân dân xã B về nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Ngày 04/8/2023, Thanh tra huyện có Báo cáo số 316 BC-TTr kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 03/10/2023 Ủy ban nhân dân huyện có biên bản đối thoại với bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không đến làm việc ủy quyền cho bà Lê Thị Vân A.

Ngày 31/10/2023 Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định số 9586/QĐ -UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu) với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19 tháng 2023 của bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Quyết định số 1402/QĐ-UBND này 17/3/2022 Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L. Trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T được phê duyệt theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2023, Thanh tra huyện lập biên bản công bố và trao Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 58/2025/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy một phần Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L tại xã B liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 9586/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/9/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – bà Nguyễn Thị T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không cung cấp chứng cứ, tình tiết mới, giữ nguyên tất cả lời trình bày từ trước đến nay như ở giai đoạn sơ thẩm và trong nội dung đơn kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà người kháng cáo trình bày và cung cấp có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T:

[3.1]. Đối với Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc cảng hàng không quốc tế L trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T có quyền sử dụng diện tích đất 3.825,3m² (trong đó có 200m² đất ONT) thuộc thửa đất số 221, tờ bản đồ số 61 tọa lạc tại ấp S, xã B, trên đất có căn nhà cấp 4 và cây trồng trên đất và diện tích đất 2.996,3m² thửa 59, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại ấp S, xã B.

Thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế L, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 11181/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thu hồi thửa đất 221, tờ bản đồ số 61 và Quyết định thu hồi đất số 11183/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 thu hồi thửa đất số 59, tờ bản đồ số 46.

Để thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường cho bà T, Ủy ban nhân dân huyện L đã thực hiện các thủ tục như sau:

- Ngày 28/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo số 4646/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cảng hàng không Q tại huyện L.

- Căn cứ Thông báo số 4646/TB-UBND ngày 28/12/2018, ngày 24/7/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện L có Thông báo số 3098/TB-TTPTQĐ về việc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất.

- Ngày 31/7/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện L phối hợp các ngành tiến hành lập Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất bà Nguyễn Thị T.

- Ngày 26/10/2020, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc và hộ được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư tại Giấy xác nhận số 2044 hộ bà Nguyễn Thị T có sử dụng thửa đất số 221(221) tờ bản đồ số 61(12), diện tích 3825.3m² (trong đó có 200m² đất ONT) và được phòng Tài nguyên Môi trường ký thẩm tra (mẫu 02); đồng thời, Ủy ban nhân dân xã B xác nhận hộ bà Nguyễn Thị T không phải di chuyển chỗ ở (mẫu 04).

- Ủy ban nhân dân xã B và phòng Tài nguyên Môi trường huyện L thẩm tra nguồn gốc đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào Khung chính sách; Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ và các Quyết định UBND tỉnh Đ tiến hành áp giá và trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

- Ngày 31/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 11181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 10582/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ của hộ ông (bà) Nguyễn Thị T để thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L (lần 10).

Như vậy, đối với 02 Quyết định số 10582/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, và Quyết định số 11181/QĐ-UBND ngày 31/12/2020. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đủ các chính sách theo quy định.

Ngày 26/01/2021, hộ bà Nguyễn Thị T đã nhận tiền bồi thường và hỗ trợ theo Quyết định nêu trên.

Về việc thực hiện chế độ chính sách tái định cư cho bà T, Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ Tờ trình số 87/TTr-HĐBT ngày 16/02/2022 Hội đồng xét tái định cư xã B, về việc Hợp xét tái định cư bồi thường đất ở, giao đất ở tại khu tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L xã B, ông (bà) Nguyễn Thị T đủ điều kiện bồi thường đất ở theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ.

Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L tại Báo cáo số 535/BC-TTPTQĐ về phương án xét tái định cư và nghĩa vụ tài chính cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không (đợt 33), báo cáo Hội đồng bồi thường dự án hộ bà Nguyễn Thị T đủ điều kiện theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ.

Ngày 17/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại xã B trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T.

Ngày 24/02/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất có Thông báo số 1072/TB-TTPTQĐ về dự kiến phương án bố trí tái định cư dự án Cảng hàng không Quốc tế L.

Ngày 11/3/2022, Hội đồng bồi thường dự án có Tờ trình số 1674/TTr-HĐBT về việc đề nghị phê duyệt giao đất ở tại khu tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại xã B.

Ngày 17/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND về việc phê duyệt tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị T.

Ngày 18/11/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức bốc thăm nhận đất TĐC, hộ bà Nguyễn Thị T tham dự và bốc thăm tái định cư có ký hiệu số lô I-LK-18-51 (Khu A).

Ngày 07/4/2023, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 2993/QĐ-UBND về việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông (bà) Nguyễn Thị T để làm nhà ở tại Khu dân cư, tái định cư Lộ A, xã L, huyện L.

Như vậy, Quyết định 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định theo quy định tại Điều 66, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; Về nội dung việc Ủy ban nhân dân xã B, Hội đồng xét tái định cư của xã xét hộ của bà T theo khoản 3 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND và được Ủy ban nhân dân huyện L phê duyệt tại 1402/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho cá hộ dân thuộc Cảng hàng không quốc tế L1 tại xã B là đúng quy định pháp luật.

[3.2]. Về việc giải quyết đơn khiếu nại hộ bà Nguyễn Thị T:

Ngày 19/6/2023, hộ bà Nguyễn Thị T có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân huyện L. Nội dung khiếu nại: “Khiếu nại Quyết định số 1402/QĐ-UBND này 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L tại xã B đối với hộ bà Nguyễn Thị T (số thứ tự 75 theo danh sách hộ dân đính kèm)”; đồng thời “Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L chỉ đạo đối với Hội đồng xét tái định cư huyện L và xã B xét cấp lại 01 suất tái định cư hộ chính”.

Sau khi nhận Đơn khiếu nại, ngày 11/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện B2 Thông báo số 3566/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ngày 18/7/2023, Thanh tra huyện có Biên bản làm việc xác minh đơn khiếu nại của Nguyễn Thị T.

Ngày 25/7/2023, Thanh tra huyện phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Ủy ban nhân dân xã B xác minh về nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Ngày 04/8/2023, Thanh tra huyện có Báo cáo số 316 BC-TTr kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 03/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện có Biên bản đối thoại với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị T. Bà T không đến làm việc, ủy quyền cho bà Lê Thị Vân A theo hợp đồng ủy quyền số 001331, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2023 do Văn phòng C1 chứng thực.

Ngày 31/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 9586/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu).

Nội dung Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19/6/2023 của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Quyết định số 1402/QĐ-UBND này 17/3/2022 Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L. Trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T được phê duyệt theo Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập tài liệu chứng cứ xác định: Nhà đất bị thu hồi thuộc thửa 221, tờ bản đồ số 61 bà T nhận chuyển nhượng vào năm 2002 bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã B huyện L và bà T đã ở tại địa chỉ này từ trước khi Nhà nước thu hồi đất. Do bà T có nhà ở, có đất ở tại ấp S, xã B nhưng thực tế N không sinh sống tại căn nhà có đất bị thu hồi mà

bà T ở tại ấp S xã B nhà con trai Nguyễn Đăng B, Do đó Hội đồng xét tái định cư của Ủy ban nhân dân xã B đã căn cứ khoản 3 Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ - UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ cấp cho bà T lô đất tái định cư lô phụ và bà T cũng đã bóc thăm nhận đất sử dụng là có căn cứ.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (nay Xã L) ban hành Quyết định số 9586/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 không chấp nhận khiếu nại của bà T giữ nguyên Quyết định số 1402/QĐ-UBND này 74/3/2022 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Từ các nhận định nêu trên có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.4] Bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm bà T không xuất trình được chứng cứ, tình tiết mới có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

[4] Đối với quan điểm của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 27/6/2025; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016;

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 62, 66, 69 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy một phần Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế L tại xã B liên quan đến hộ bà Nguyễn Thị T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 9586/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu).

3. Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 17b (ÁnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn